

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

ÂN DỤ NGHỆ THUẬT VÀ VIỆC KIẾN TẠO MẠCH LẠC TRONG BÚT KÍ “NHƯ CON SÔNG TỪ NGUỒN RA BIỂN” CỦA HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

ĐẬU THÀNH VINH*

TÓM TẮT: Mạch lạc là điều kiện cơ bản để một chuỗi phát ngôn được tiếp nhận như một văn bản có ý nghĩa thống nhất. Trong các tiếp cận diễn ngôn hiện đại, mạch lạc không chỉ là kết quả của các phương tiện liên kết hình thức mà còn là sản phẩm của quá trình tri nhận, suy luận và kiến tạo nghĩa của chủ thể tiếp nhận. Trên cơ sở đó, bài viết này khảo sát bút kí “Như con sông từ nguồn ra biển” của Hoàng Phủ Ngọc Tường từ góc nhìn mạch lạc diễn ngôn, tập trung vào vai trò tổ chức văn bản của hệ thống ẩn dụ nghệ thuật. Thông qua việc nhận diện và phân tích 15 ẩn dụ tiêu biểu trong tác phẩm, bài viết cho thấy các ẩn dụ này không chỉ đảm nhiệm chức năng biểu đạt thẩm mỹ mà còn vận hành như những “điểm neo tri nhận”, góp phần duy trì chủ đề, điều hướng tuyến nghĩa và kết nối các phần khác nhau của văn bản. Từ đó, mạch lạc của tác phẩm được hình thành như một quá trình kiến tạo nghĩa liên tục, trong đó ẩn dụ nghệ thuật giữ vai trò trung tâm.

TỪ KHÓA: mạch lạc; diễn ngôn; ẩn dụ nghệ thuật; tri nhận; bút kí; Hoàng Phủ Ngọc Tường.

NHẬN BÀI: 10/11/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 28/01/2026

1. Mở đầu

Trong ngôn ngữ học văn bản, mạch lạc thường được xem là yếu tố đảm bảo cho sự thống nhất nội dung của văn bản, gắn với chủ đề và sự phát triển hợp lí của các phần. Tuy nhiên, khi chuyển sang bình diện phân tích diễn ngôn, khái niệm này được mở rộng đáng kể: mạch lạc không còn được hiểu thuần túy như một đặc điểm nội tại của văn bản mà như kết quả của sự tương tác giữa văn bản với người tiếp nhận. Từ góc nhìn tri nhận, mạch lạc được kiến tạo thông qua việc người đọc kích hoạt các khung tri thức, kinh nghiệm văn hóa - xã hội và tiến hành các suy luận ngầm để kết nối những gì được nói ra với những gì không được nói trực tiếp. Trong quá trình đó, các phương tiện mang tính hình tượng cao, đặc biệt là ẩn dụ nghệ thuật, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng cách hiểu và duy trì tính thống nhất của diễn ngôn.

Đối với văn bản nghệ thuật, nhất là bút kí, mạch lạc hiếm khi được tạo lập chủ yếu bằng các phương tiện liên kết ngữ pháp. Thay vào đó, mạch lạc thường được hình thành thông qua hệ thống hình ảnh, biểu tượng và giọng điệu, trong đó ẩn dụ nghệ thuật có khả năng tập hợp và dẫn dắt các tầng nghĩa khác nhau. Xuất phát từ nhận thức đó, bài viết này lựa chọn tiếp cận bút kí “Như con sông từ nguồn ra biển” như một diễn ngôn nghệ thuật mà mạch lạc của nó được kiến tạo chủ yếu thông qua hệ thống ẩn dụ.

2. Ẩn dụ tri nhận và vấn đề mạch lạc diễn ngôn

Trong các tiếp cận hiện đại đối với văn bản và diễn ngôn, mạch lạc không còn được xem như một thuộc tính thuần túy hình thức mà được hiểu là kết quả của quá trình kiến tạo nghĩa dựa trên các cơ chế nhận thức. Từ góc nhìn này, ẩn dụ tri nhận nổi lên như một trong những cơ chế trung tâm góp phần tổ chức, duy trì và triển khai mạch lạc diễn ngôn, đặc biệt trong các văn bản nghệ thuật.

Theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận, được khởi xướng bởi George Lakoff và Mark Johnson (1980), ẩn dụ là “hiểu và trải nghiệm một loại sự vật này thông qua một loại sự vật khác” (tr.5). Các tác giả cho rằng “mọi trải nghiệm đều diễn ra trong một bối cảnh rộng lớn của các giả định văn hóa” (tr.57). Như vậy, có thể hiểu ẩn dụ không đơn thuần là một biện pháp tu từ (theo cách hiểu truyền thống¹) mà là một cơ chế ý niệm hóa cơ bản của tư duy con người. Ẩn dụ cho phép con người hiểu và cấu trúc các miền kinh nghiệm trừu tượng thông qua các miền kinh nghiệm cụ thể hơn, nhờ đó hình thành nên các mô hình ý niệm tương đối ổn định. Trong diễn ngôn, sự lặp lại và triển khai

*TS; Trường Đại học Đồng Nai; Email: dauthanhvinh01@yahoo.com.vn

nhất quán các ánh xạ ẩn dụ góp phần tạo ra một khung ý niệm chung, làm cơ sở cho việc tiếp nhận và diễn giải văn bản.

Theo Halliday và Hasan (1976), tính mạch lạc được thể hiện qua các mối liên hệ tồn tại trong văn bản giữa một yếu tố được giả định trước và một yếu tố giả định khác và văn bản có được kết cấu, tức là tính mạch lạc, từ những mối liên hệ mạch lạc này: "*Khái niệm về các mối liên hệ cho phép phân tích một văn bản dựa trên các thuộc tính mạch lạc của nó và đưa ra một mô tả có hệ thống về các mô hình kết cấu của nó.*" (1976, tr.4). Từ bình diện diễn ngôn, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng mạch lạc gắn liền với khả năng người tiếp nhận xây dựng được một mô hình tinh thần thống nhất khi xử lý chuỗi phát ngôn. Teun A. van Dijk nhấn mạnh rằng mạch lạc không nằm sẵn trong văn bản mà được kiến tạo thông qua quá trình suy luận, dựa trên tri thức nền và các cấu trúc ý niệm được kích hoạt. Trong mối quan hệ đó, ẩn dụ tri nhận đóng vai trò như một cơ chế kích hoạt và tổ chức tri thức, giúp liên kết các phần rời rạc của diễn ngôn thành một chỉnh thể có ý nghĩa.

Từ góc độ ngữ pháp tri nhận, Ronald Langacker xem ngôn ngữ là một bộ phận của nhận thức, trong đó sự nhất quán về điểm nhìn, cấu hình kinh nghiệm và cách ý niệm hóa là điều kiện quan trọng để đảm bảo tính mạch lạc. Khi một văn bản duy trì được các miền nguồn và các sơ đồ ý niệm ổn định, người đọc có thể dễ dàng theo dõi tiến trình diễn ngôn, ngay cả khi cấu trúc hình thức không tuân thủ chặt chẽ các khuôn mẫu logic tuyến tính. Các nghiên cứu về mạch lạc trong ngữ pháp văn bản cũng cho thấy mối liên hệ gián tiếp nhưng bền vững giữa ẩn dụ và mạch lạc. Trong khi liên kết (cohesion) phản ánh các quan hệ hình thức trên bề mặt văn bản, thì mạch lạc (coherence) phản ánh các quan hệ nghĩa ở tầng sâu. Ẩn dụ tri nhận, với tư cách là cơ chế tổ chức nghĩa, góp phần tạo nên các mối liên hệ này ở bình diện ý niệm, từ đó hỗ trợ việc duy trì mạch lạc ngay cả trong những văn bản có cấu trúc phi tuyến hoặc giàu tính liên tưởng.

Ở Việt Nam, hướng tiếp cận này đã được vận dụng vào việc khảo sát văn bản nghệ thuật. Trên cơ sở ngữ liệu bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường, chúng tôi (Đậu Thành Vinh, 2016) đã chỉ ra rằng các ẩn dụ tri nhận không xuất hiện rời rạc mà được tổ chức thành những hệ thống tương đối ổn định, gắn với các miền nguồn quen thuộc như dòng sông, không gian tự nhiên, địa danh, cơ thể con người... Chính sự vận hành có tính hệ thống này cho phép các ẩn dụ vượt ra khỏi chức năng biểu cảm cục bộ để tham gia trực tiếp vào việc kiến tạo mạch lạc diễn ngôn.

Từ kết quả đó, có thể xem ẩn dụ tri nhận trong văn bản nghệ thuật như những "điểm neo ý niệm", giúp người đọc kết nối các đoạn văn, các hình ảnh và các lớp nghĩa khác nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Nói cách khác, ẩn dụ tri nhận không chỉ góp phần tạo chiều sâu thẩm mĩ mà còn giữ vai trò tổ chức diễn ngôn, bảo đảm sự liên tục và nhất quán của mạch nghĩa.

Như vậy, việc nghiên cứu mạch lạc diễn ngôn thông qua ẩn dụ tri nhận cho phép kết nối các hướng tiếp cận của ngữ pháp văn bản, phân tích diễn ngôn và ngôn ngữ học tri nhận trong một khung lí thuyết thống nhất. Cách tiếp cận này đặc biệt phù hợp với việc khảo sát các văn bản bút kí - nơi tư duy nghệ thuật, tư duy tri nhận và tổ chức diễn ngôn thường đan xen chặt chẽ.

Từ những cơ sở lí luận nêu trên, có thể thấy rằng mạch lạc diễn ngôn không chỉ được kiến tạo bằng các phương tiện liên kết hình thức mà còn được tổ chức ở bình diện ý niệm thông qua những cơ chế tri nhận, trong đó ẩn dụ giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Trong văn bản nghệ thuật, nhất là bút kí, các ẩn dụ tri nhận thường không xuất hiện rời rạc mà được triển khai thành những chuỗi và hệ thống, góp phần duy trì sự nhất quán của khung ý niệm và định hướng quá trình tiếp nhận. Xuất phát từ cách hiểu đó, bài viết này lựa chọn khảo sát mười lăm ẩn dụ tiêu biểu trong bút kí "Như con sông từ nguồn ra biển" của Hoàng Phủ Ngọc Tường, xem chúng như những điểm neo ý niệm tham gia trực tiếp vào việc tổ chức và duy trì mạch lạc của toàn bộ diễn ngôn. Thông qua việc phân tích cách các ẩn dụ này vận hành trong quan hệ với nội dung và cấu trúc văn bản, bài viết nhằm làm rõ vai trò của ẩn dụ tri nhận như một thủ pháp tạo mạch lạc đặc thù trong ngôn ngữ bút kí.

3. Đặc điểm của ẩn dụ nghệ thuật trong "Như con sông từ nguồn ra biển" của Hoàng Phủ Ngọc Tường

3.1. Thống kê và nhận xét

3.1.1. Thống kê

Khảo sát cho thấy, trong tác phẩm này đã sử dụng một hệ thống ẩn dụ nghệ thuật dày đặc và có tính liên kết cao. Dưới đây là 15 ẩn dụ tiêu biểu xuất hiện xuyên suốt tác phẩm:

Bảng 1. Hệ thống ẩn dụ nghệ thuật trong “*Như con sông từ nguồn ra biển*”

STT	Ẩn dụ nghệ thuật	Trang	STT	Ẩn dụ nghệ thuật	Trang
1	“Như con sông từ nguồn ra biển”	9	8	Giọng trở nên cay đắng lạ thường	18
2	Một cơn đau vùi	10	9	Triền dốc chênh vênh của tuổi trẻ	20
3	Cuộc luân lưu vô nghĩa	11	10	Không vượt qua nổi triền dốc ấy của tuổi trẻ...	37
4	Hát lên nghe nhạt nhẽo không chịu được	13	11	Một thứ trò chơi thần kinh	24
5	Con chim chiến tranh (<i>Oiseau de guerre</i>)	14	12	Bệnh thần kinh của Giao	26
6	Tôi lớn lên bằng tuổi chiến tranh	16	13	Thơ về gỗ, đá, chim sẻ và những bầy ngựa hoang	24
7	Biết ai là người còn sống?	18	14	Những bài thánh ca da vàng cho một quê hương nào đó đã mất	24
			15	Những mặt đất nứt nẻ của một thời hồng hoang...	24

3.1.2. Nhận xét

(1) Ẩn dụ “*Như con sông từ nguồn ra biển*”: khung ý niệm định hướng diễn ngôn

Đặt ở vị trí tiêu đề, ẩn dụ “*Như con sông từ nguồn ra biển*” không nhằm cung cấp thông tin mà tạo ra một định hướng ý niệm cho toàn bộ diễn ngôn. Hình ảnh con sông kích hoạt mô hình hành trình - một mô hình cho phép người đọc hiểu đời sống con người như một tiến trình vận động có hướng, có đích, đồng thời hàm chứa khả năng lệch hướng, đứt gãy hoặc hội tụ. Trong toàn bộ văn bản, ẩn dụ này vận hành như một khung tham chiếu ngầm, giúp các chi tiết rời rạc về đời sống, tâm trạng và lựa chọn của nhân vật được kết nối trong một cấu trúc nghĩa thống nhất. Nhờ đó, mạch lạc của tác phẩm được thiết lập ở bình diện ý niệm hơn là ở trình tự sự kiện.

(2) “*Một cơn đau vùi*”: mở đầu chuỗi ẩn dụ trạng thái

Ẩn dụ “*một cơn đau vùi*” không quy chiếu đến một trải nghiệm thể chất cụ thể mà hướng đến trạng thái tinh thần bị nén chặt, không lối thoát. Cách gọi tên này cho phép người đọc tiếp cận tâm thế nhân vật ngay từ đầu như một trạng thái tồn tại kéo dài, chứ không phải một phản ứng cảm xúc nhất thời. Trong cấu trúc diễn ngôn, đây là điểm khởi đầu của chuỗi ẩn dụ trạng thái, từ đó các biểu hiện tiếp theo được triển khai một cách liên tục và có định hướng.

(3) “*Cuộc luân lưu vô nghĩa*”: mô hình vòng quay và cảm thức bế tắc

Ẩn dụ “*cuộc luân lưu vô nghĩa*” chuyển trọng tâm từ cảm giác nội tâm sang nhịp sống xã hội. Hình ảnh luân lưu kích hoạt mô hình vận động vòng tròn, trong đó chuyển động không đồng nghĩa với tiến triển. Qua ẩn dụ này, đời sống của nhân vật được ý niệm hóa như một chuỗi lặp lại trống rỗng, thiếu điểm đến rõ ràng. Việc đặt trải nghiệm cá nhân vào mô hình này góp phần duy trì mạch lạc tâm thế, nối liền các đoạn tự sự bằng một cảm thức bế tắc xuyên suốt.

(4) *“Hát lên nghe nhặt nhẽo không chịu được”*: sự rỗng nghĩa của sáng tạo

Ẩn dụ dựa trên sự hoán chuyển cảm giác từ thính giác sang vị giác này cho phép diễn đạt trạng thái mất ý nghĩa của hoạt động sáng tạo. Âm nhạc, thay vì là nơi giải tỏa hoặc khẳng định bản thân, trở thành dấu hiệu của sự cạn kiệt tinh thần. Trong mạch diễn ngôn, ẩn dụ này không đứng độc lập mà liên kết chặt chẽ với các ẩn dụ trước đó, làm rõ hơn tình trạng rạn vỡ giữa con người và chính công việc sáng tạo của mình.

(5) *“Con chim chiến tranh”*: ẩn dụ bản lẻ trong cấu trúc diễn ngôn

Khác với các ẩn dụ trạng thái, “con chim chiến tranh” giữ vai trò chuyển đoạn. Hình ảnh này vừa mang tính biểu trưng, vừa tạo ra một điểm tựa để diễn ngôn chuyển từ thế giới nội tâm sang đối thoại về chiến tranh và trách nhiệm. Trong cấu trúc văn bản, đây là ẩn dụ bản lẻ, nơi mạch diễn ngôn được tái định hướng, chuẩn bị cho sự biến đổi trong nhận thức và lựa chọn của nhân vật.

(6) *“Tôi lớn lên bằng tuổi chiến tranh”*: gắn kết cá nhân và lịch sử

Ẩn dụ này đặt quá trình trưởng thành cá nhân trong mối quan hệ trực tiếp với bối cảnh chiến tranh. “Tuổi chiến tranh” trở thành một đơn vị đo lường tính lịch sử - tinh thần, cho phép kết nối trải nghiệm riêng với số phận chung. Nhờ đó, diễn ngôn mở rộng phạm vi từ câu chuyện cá nhân sang bình diện thế hệ, mà vẫn duy trì được sự liên tục về ý nghĩa.

(7) *“Biết ai là người còn sống?”*: ẩn dụ tồn tại dưới dạng câu hỏi

Câu hỏi này không nhằm tìm kiếm thông tin mà vận hành như một ẩn dụ tồn tại. “Còn sống” được hiểu như sống có ý nghĩa, có lựa chọn, có lập trường. Việc đặt câu hỏi theo cách này cho phép diễn ngôn duy trì sự căng thẳng tri nhận, nối kết các trạng thái hoài nghi trước đó với nhu cầu tìm kiếm một giá trị sống xác định.

(8) *“Giọng trở nên cay đắng lạ thường”*: biểu hiện của thái độ sống

Ẩn dụ “cay đắng” không mô tả đặc điểm âm thanh mà phản ánh thái độ đánh giá đời sống. Đây là kết quả của sự tích tụ hoài nghi và thất vọng, đồng thời là dấu hiệu cho thấy trạng thái tinh thần đã đạt đến một ngưỡng cần chuyển hóa. Trong chuỗi ẩn dụ trạng thái, hình ảnh này đóng vai trò chuẩn bị cho bước ngoặt tiếp theo của diễn ngôn.

(9-10) *“Triền dốc chênh vênh của tuổi trẻ”* và sự mở rộng ý nghĩa

Việc ý niệm hóa tuổi trẻ như một triền dốc cho phép diễn đạt cảm giác bấp bênh, dễ trượt ngã của con người trong giai đoạn lựa chọn. Khi hình ảnh này được lặp lại và mở rộng sang nhiều số phận khác, diễn ngôn chuyển từ mô tả cá nhân sang suy tư mang tính khái quát. Chính sự lặp có kiểm soát này góp phần củng cố mạch lạc toàn văn bản.

(11-12) *“Trò chơi thần kinh”* và *“bệnh thần kinh”*: mạch lạc phê phán

Hai ẩn dụ này tái định danh những lối sống né tránh hiện thực như những biểu hiện lệch chuẩn. Chúng không chỉ mang sắc thái đánh giá mà còn tổ chức mạch diễn ngôn theo hướng phê phán, đặt các lựa chọn cá nhân vào tương quan với hoàn cảnh lịch sử - xã hội.

(13-14-15) *Nhóm ẩn dụ hồi cố: kết tụ và khép mạch diễn ngôn*

Các ẩn dụ về thơ, thánh ca và mặt đất nứt nẻ gợi lên một kiểu tồn tại tinh thần khô cạn, thoát ly. Nhóm ẩn dụ này có chức năng kết tụ các lớp nghĩa đã triển khai trước đó, tạo ra một điểm nhìn tổng hợp để khép lại mạch diễn ngôn bằng sự đối chiếu giữa lẫn tránh và dẫn thân.

Nhận xét chung: Việc khảo sát 15 ẩn dụ cho thấy các hình ảnh này không hoạt động như những điểm trang trí cục bộ mà được tổ chức thành một hệ thống ý niệm liên kết chặt chẽ. Chính sự vận hành có tính hệ thống ấy cho phép ẩn dụ tham gia trực tiếp vào việc kiến tạo mạch lạc diễn ngôn, bảo đảm cho văn bản được tiếp nhận như một chỉnh thể thống nhất về ý nghĩa và định hướng tư tưởng.

3.2. Hệ thống ẩn dụ và vấn đề phong cách Hoàng Phủ Ngọc Tường

Trong nghiên cứu phong cách ngôn ngữ văn chương, phong cách cá nhân thường được nhận diện thông qua tính ổn định và tính hệ thống của các phương tiện biểu đạt mà tác giả lựa chọn và vận dụng. Đối với bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường, hệ thống ẩn dụ không chỉ là một phương tiện tu từ nổi bật mà còn là yếu tố có vai trò nền tảng trong việc hình thành và duy trì phong cách diễn ngôn đặc thù của ông.

Ở bình diện tri nhận, các ẩn dụ trong bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường cho thấy một xu hướng ý niệm hóa nhất quán dựa trên những miền nguồn gắn với trải nghiệm thân thể và không gian tự nhiên như dòng sông, địa hình, hành trình, cơ thể, cảm giác và các trạng thái vật lí. Việc lựa chọn những miền nguồn này không mang tính ngẫu nhiên mà phản ánh một cách nhìn thế giới thiên về quá trình, vận động và chuyển hóa. So với những bút kí cùng thời vốn thiên về ghi chép sự kiện, miêu tả hiện thực trực tiếp hoặc nhấn mạnh tính tư liệu, hệ thống ẩn dụ của Hoàng Phủ Ngọc Tường cho phép ông chuyển trọng tâm từ “cái đã xảy ra” sang “cách con người trải nghiệm và suy tư về điều đã xảy ra”. Chính đặc điểm này làm cho bút kí của ông mang đậm dấu ấn của một diễn ngôn suy tưởng, nơi hiện thực được tái cấu trúc qua lăng kính tri nhận cá nhân.

Ở bình diện diễn ngôn, hệ thống ẩn dụ trong bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường được tổ chức thành những chuỗi và mạng lưới liên kết chặt chẽ, góp phần tạo nên mạch lạc cho toàn bộ văn bản. Trong khi nhiều tác giả khác thường dựa vào trật tự thời gian - sự kiện để bảo đảm tính liên mạch, Hoàng Phủ Ngọc Tường lại tổ chức mạch lạc chủ yếu thông qua sự nhất quán của các cấu trúc ý niệm. Nhờ đó, diễn ngôn của ông có thể vận động theo lối phi tuyến, đan xen giữa hồi ức, suy tưởng và bình luận, nhưng vẫn giữ được cảm giác thống nhất về ý nghĩa và giọng điệu. Đây là một nét phong cách nổi bật, cho thấy sự kết hợp chặt chẽ giữa tư duy nghệ thuật và tư duy tri nhận trong tổ chức văn bản. Hệ thống ẩn dụ cũng phản ánh rõ lập trường tư tưởng và cảm hứng nghệ thuật của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Các ẩn dụ như hành trình, triển dúc, dòng chảy, sự khô cạn hay cơn đau không chỉ biểu đạt trạng thái cá nhân mà còn hàm chứa những đánh giá mang tính xã hội và lịch sử. So với những cách diễn đạt trực tiếp, giàu tính khẳng định hoặc khẩu hiệu, việc lựa chọn ẩn dụ cho phép nhà văn thể hiện thái độ phê phán và tự vấn một cách gián tiếp, giàu chiều sâu và tránh cực đoan. Chính điều này góp phần hình thành một phong cách trầm lắng, suy tư, giàu tính triết luận nhưng không tách rời trải nghiệm sống cụ thể.

Ở bình diện phong cách học, có thể khẳng định rằng trong bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường, ẩn dụ đã vượt ra khỏi chức năng trang trí ngôn từ để trở thành một nguyên tắc tổ chức phong cách. Hệ thống ẩn dụ vừa phản ánh cách nhà văn tri nhận thế giới, vừa chi phối cách ông tổ chức diễn ngôn, triển khai mạch lạc và dẫn dắt người đọc. Nhờ đó, phong cách của Hoàng Phủ Ngọc Tường hiện lên như phong cách của một chủ thể viết luôn tư duy thông qua hình ảnh, lấy cấu trúc ý niệm làm nền tảng cho cấu trúc văn bản.

Chính từ nhận thức đó, việc khảo sát hệ thống ẩn dụ trong “Như con sông từ nguồn ra biển” không chỉ nhằm làm rõ một thủ pháp nghệ thuật cụ thể, mà còn cho phép tiếp cận phong cách Hoàng Phủ Ngọc Tường như một chỉnh thể, nơi ngôn ngữ, tri nhận và diễn ngôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Đây cũng là cơ sở để bài viết đi đến những kết luận khái quát hơn về vai trò của ẩn dụ trong việc kiến tạo mạch lạc và định hình phong cách diễn ngôn của bút kí nói riêng và văn bản nghệ thuật nói chung.

3.3. Sự kết nối ý tưởng (mạch lạc) văn bản thông qua hệ thống văn bản

Việc khảo sát 15 ẩn dụ tiêu biểu trong “Như con sông từ nguồn ra biển” cho thấy mạch lạc diễn ngôn của tác phẩm không được tổ chức chủ yếu bằng các phương tiện liên kết hình thức, mà bằng sự vận hành có tính hệ thống của các cấu trúc ý niệm. Theo cách hiểu của ngữ pháp văn bản và phân tích diễn ngôn, mạch lạc là kết quả của sự thống nhất nghĩa ở tầng sâu; trong trường hợp này, chính hệ thống ẩn dụ đã đảm nhiệm vai trò đó, tạo ra một khung tri nhận ổn định để người đọc kiến tạo và duy trì mô hình tinh thần về toàn bộ văn bản.

Trước hết, một số ẩn dụ giữ vai trò định hướng mạch lạc ở cấp độ toàn văn bản, phù hợp với quan niệm mạch lạc như “khung diễn giải” trong phân tích diễn ngôn. Ẩn dụ khung “Như con sông từ nguồn ra biển” kích hoạt mô hình hành trình - một mô hình ý niệm cho phép tổ chức các sự kiện, hồi ức và suy tưởng như những chặng khác nhau của cùng một tiến trình. Nhờ khung ý niệm này, diễn ngôn có thể vận động theo lối phi tuyến tính mà vẫn duy trì được tính thống nhất, đúng với cách tiếp cận tri nhận coi mạch lạc là kết quả của sự nhất quán trong ý niệm hóa.

Ở bình diện trạng thái tâm lí, các ẩn dụ như “một cơn đau vùi”, “cuộc luân lưu vô nghĩa”, “hát lên nghe nhặt nhẻo không chịu được”, “giọng trở nên cay đắng lạ thường” tạo thành một chuỗi ý niệm liên tục. Chuỗi ẩn dụ này cho phép diễn ngôn triển khai sự tích tụ và biến đổi của tâm thế nhân vật mà không cần lặp lại thông tin hay giải thích trực tiếp. Cơ chế này phù hợp với quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận, theo đó mạch lạc được duy trì khi các biểu thức ngôn ngữ liên tiếp cùng kích hoạt hoặc mở rộng một mô hình tri nhận chung.

Bên cạnh đó, một số ẩn dụ đóng vai trò bản lề, thực hiện chức năng chuyển đoạn trong cấu trúc diễn ngôn. Hình ảnh “con chim chiến tranh” là một trường hợp điển hình: từ một ẩn dụ mang tính biểu trưng, nó trở thành điểm khởi phát cho mạch đối thoại về chiến tranh, trách nhiệm và lựa chọn. Theo lí thuyết phân tích diễn ngôn, đây là dạng mạch lạc được tạo lập thông qua sự chuyển đổi có kiểm soát của chủ đề và điểm nhìn, trong đó ẩn dụ đóng vai trò tác nhân kết nối các mạch nghĩa khác nhau.

Ở bình diện khái quát hóa, các ẩn dụ không gian như “triền dốc chênh vênh của tuổi trẻ” và sự lặp lại có biến đổi của hình ảnh này cho phép diễn ngôn mở rộng từ trải nghiệm cá nhân sang suy tư mang tính thế hệ. Việc lặp ẩn dụ, xét từ góc độ ngữ pháp văn bản, không phải là sự trùng lặp hình thức mà là sự tái kích hoạt một cấu trúc ý niệm trong những ngữ cảnh mới, qua đó tăng cường mạch lạc bằng cách mở rộng phạm vi liên kết nghĩa.

Cuối cùng, nhóm ẩn dụ hồi cố và kết tụ như các hình ảnh về thơ, thánh ca và mặt đất nứt nẻ đảm nhiệm chức năng khép mạch diễn ngôn. Những ẩn dụ này thu gom và kết tinh các lớp nghĩa đã được triển khai trước đó, tạo nên một điểm nhìn tổng hợp để đánh giá và đối chiếu các lựa chọn sống. Theo quan điểm tri nhận, đây là cơ chế hoàn tất mô hình tinh thần, giúp người đọc tiếp nhận văn bản như một chỉnh thể trọn vẹn về ý nghĩa.

Tóm lại, 15 ẩn dụ trong “Như con sông từ nguồn ra biển” đã kiến tạo mạch lạc diễn ngôn thông qua nhiều cơ chế gắn với các khung lí thuyết khác nhau: định hướng toàn văn bản, tổ chức trạng thái tâm lí, chuyển đoạn diễn ngôn, mở rộng khái quát và kết tụ ý nghĩa. Sự phối hợp linh hoạt của các cơ chế này cho thấy ẩn dụ không chỉ là phương tiện biểu đạt thẩm mĩ mà còn là một nguyên tắc tổ chức diễn ngôn, góp phần quyết định tính mạch lạc và chiều sâu nhận thức trong bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

4. Kết luận

Trên cơ sở khảo sát hệ thống ẩn dụ trong bút kí “Như con sông từ nguồn ra biển” của Hoàng Phủ Ngọc Tường, bài viết cho thấy mạch lạc diễn ngôn của tác phẩm không được kiến tạo chủ yếu bằng các phương tiện liên kết hình thức mà thông qua sự vận hành nhất quán của một hệ thống ẩn dụ mang tính ý niệm. Các ẩn dụ được tổ chức thành những chuỗi và mạng lưới xoay quanh các mô hình trung tâm như hành trình, dòng chảy, không gian chênh vênh và các trạng thái tinh thần, qua đó tạo ra một khung tri nhận chung giúp kết nối các lớp nội dung khác nhau của văn bản trong một chỉnh thể thống nhất.

Việc phân tích 15 ẩn dụ tiêu biểu cho thấy mỗi ẩn dụ đều đảm nhiệm một chức năng nhất định trong cấu trúc diễn ngôn, từ định hướng toàn văn bản, tổ chức trạng thái tâm lí đến chuyển đoạn và kết tụ mạch nghĩa. Từ góc nhìn phong cách học, hệ thống ẩn dụ này góp phần định hình phong cách bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường như một phong cách suy tư thông qua hình ảnh, ý niệm hóa hiện thực bằng các cấu trúc tri nhận gắn với trải nghiệm thân thể và không gian tự nhiên. Kết quả nghiên cứu gợi mở hướng tiếp cận mạch lạc văn bản nghệ thuật thông qua ẩn dụ, đồng thời góp phần làm rõ mối quan hệ giữa ẩn dụ, mạch lạc và phong cách trong nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại.

¹ Chẳng hạn, Đỗ Hữu Châu (1962) định nghĩa: “Ẩn dụ là cách gọi tên của sự vật này bằng tên của sự vật khác; giữa chúng có mối liên hệ tương đồng” (tr.54). Quan niệm tương tự có thể thấy trong các nghiên cứu phong cách học (như Cù Đình Tú 1983, Đinh Trọng Lạc 2005, v.v.).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (1998), “Về mạch lạc trong văn bản”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 1.
2. Diệp Quang Ban (2002), “Ngữ pháp truyện và một vài biểu hiện của tính mạch lạc trong truyện”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10.
3. Đậu Thành Vinh (2016), *Đặc điểm ngôn ngữ bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường*, Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học. Đại học KHXHNV Tp. Hồ Chí Minh.
4. Đỗ Hữu Châu (1962), *Giáo trình Việt ngữ*, tập 2 (Từ hội học), Hà Nội: NXB Giáo dục.
5. Nguyễn Hòa (2003), *Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lý luận và phương pháp*, Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)*, Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.

Tiếng Anh

7. Beaugrande, R. de & Dressler, W. (1981), *Introduction to Text Linguistics*, London: Longman.
8. Halliday, M.A.K. & Hasan, R. (1976), *Cohesion in English*, London: Longman.
9. Lakoff, G. & Johnson, M. (1980), *Metaphors We Live By*, Chicago: University of Chicago Press.
10. Langacker, R. (1987), *Foundations of Cognitive Grammar*, Vol. 1, Stanford: Stanford University Press.
11. van Dijk, T.A. (1985), *Handbook of Discourse Analysis*, London: Academic Press.

NGŨ LIỆU

Tuyển tập Hoàng Phủ Ngọc Tường, tập 2, Nxb Trẻ, 2002.

Artistic metaphor and the construction of coherence in Hoàng Phủ Ngọc Tường's prose essay “Like a River From the Source to the Sea”

Abstract: Coherence is a fundamental condition for a sequence of utterances to be received as a text with unified meaning. In contemporary discourse approaches, coherence is understood not merely as the result of formal cohesive devices, but also as the product of cognitive processing, inferential activity, and meaning construction on the part of the interpreter. From this perspective, the present article examines Hoàng Phủ Ngọc Tường's prose essay “Nhu con sông từ nguồn ra biển” (Like a River From the Source to the Sea) through the lens of discourse coherence, with particular attention to the text-organizing role of the system of artistic metaphors. By identifying and analyzing fifteen representative metaphors in the work, the paper demonstrates that these metaphors function not only as aesthetic devices but also as “cognitive anchors” that help sustain the central theme, guide the development of meaning, and connect different parts of the text. Accordingly, the coherence of the work emerges as a continuous process of meaning construction, in which artistic metaphor plays a central role.

Key words: coherence; discourse; artistic metaphor; cognition; prose essay; Hoàng Phủ Ngọc Tường.